| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ SA ĐÉC**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày: 01-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Minh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Bà Trương Thị Bạch Yến

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Lịch – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số 35 V, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Thúy A.

Chức vụ: Trưởng phòng KHCN-Ngân hàng Đ thành phố S.

**Bị đơn:** Ông Lê Văn S, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Số 3/2, ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1940

2. Ông Lê Văn D, sinh năm 1967

3. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1964

4. Chị Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1992

5. Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1993

6. Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1998

7. Anh Trịnh Quốc T, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Số 3/2, ấp K, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

*(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Ngọc Thúy A, đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ông Lê Văn S có vay số tiền 80.000.000 đồng của ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7503912/HĐTD ngày 04/3/2016, mục đích vay để trồng hoa kiểng, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất theo hợp đồng thỏa thuận. Để đảm bảo cho khoản vay, ông S và vợ là bà Nguyễn Thị D có thế chấp cho Ngân hàng tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/7503912/HĐTC ngày 04/3/2016 đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm:

Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14, diện tích 229,3m$^2$, giấy chứng nhận QSDĐ số BL 359302 do UBND thị xã (Nay là thành phố) S cấp ngày 20/9/2012 cho ông S đứng tên. Tài sản gắn liền với đất là 1 căn nhà cấp 4 diện tích 40,8m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 88/CN.UB ngày 29/10/2001 do UBND thị xã S cấp cho ông S, bà D đứng tên.

Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 14, diện tích 308,5m$^2$ giấy chứng nhận QSDĐ số BL 359303 do UBND thị xã (Nay là thành phố) S cấp ngày 20/9/2012 cho ông S đứng tên.

Hợp đồng thế chấp được công chứng đúng quy định pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố S.

Tháng 3/2019 ông S, bà D gặp khó khăn trong kinh doanh, không có khả năng trả nợ vay cho ngân hàng. Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn khoản vay của ông S. Tính đến ngày 20/3/2019 ông S, bà D còn nợ 80.502.566đ (Tám mươi triệu năm trăm lẻ hai ngàn năm trăm sáu mươi sáu đồng) gồm tiền vốn gốc 62.630.000đ; tiền lãi 17.872.566đ. Từ khi ngân hàng khởi kiện tại Tòa án ông S có tiếp tục trả thêm cho ngân hàng số tiền vốn tổng cộng 51.000.000đ.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị D liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 30.842.517đ gồm tiền vốn gốc 11.630.000đ; tiền lãi

19.212.517đ (lãi tính đến ngày 01/11/2019) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong.

Sau Khi ông S, bà D trả nợ xong thì Ngân hàng sẽ trả lại toàn bộ tài sản mà Ông (bà) đã thế chấp. Trường hợp ông S, bà D không trả được nợ thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/7503912/HĐTC ngày 04/3/2016 để trả nợ.

*Bị đơn ông Lê Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có lời khai cùng trình bày:*

Ông S, bà D thừa nhận có vay của ngân hàng số tiền 80.000.000đ như ngân hàng trình bày là đúng. Ông bà vay tiền để cho con làm vốn trồng hoa kiểng. Việc trả lãi hàng tháng và trả vốn do con ông bà trả. Toàn bộ tài sản thế chấp như ngân hàng trình bày là đúng.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông bà trả cho Ngân hàng số tiền 30.842.517đ gồm tiền vốn gốc 11.630.000đ; tiền lãi 19.212.517đ (lãi tính đến ngày 01/11/2019) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong thì ông bà đồng ý. Ông bà không có yêu cầu gì đối với các người con của ông bà trong vụ án này.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn có đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn ông S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà D, anh D, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với các đương sự còn lại Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đại diện nguyên đơn đồng ý yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy rằng: Theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7503912/HĐTD ngày 04/3/2016, ông Lê Văn S có vay số tiền 80.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP Đ, mục đích vay để trồng hoa kiểng, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất theo hợp đồng thỏa thuận. Để đảm bảo cho khoản vay, ông S và vợ là bà Nguyễn Thị D có thế chấp cho Ngân hàng tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số

01/2016/7503912/HĐTC ngày 04/3/2016 đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm:

Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 14, diện tích 229,3m$^2$, giấy chứng nhận QSDĐ số BL 359302 do UBND thị xã (Nay là thành phố) S cấp ngày 20/9/2012 cho ông S đứng tên. Tài sản gắn liền với đất là 1 căn nhà cấp 4 diện tích 40,8m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 88/CN.UB ngày 29/10/2001 do UBND thị xã S cấp cho ông S, bà D đứng tên.

Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 14, diện tích 308,5m$^2$ giấy chứng nhận QSDĐ số BL 359303 do UBND thị xã (Nay là thành phố) S cấp ngày 20/9/2012 cho ông S đứng tên.

Hợp đồng thế chấp được công chứng đúng quy định pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Các tình tiết này được các bên đương sự thừa nhận nên không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS.

Qua xem xét, thẩm định thì toàn bộ tài sản thế chấp hiện do ông S, bà D đang quản lý, sử dụng, căn nhà do hộ ông S đang ở.

Xét hợp đồng thế chấp thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định: được lập thành văn bản có công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, HĐXX xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật nên tài sản thế chấp được đảm bảo thi hành cho số nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Đối với bà D là vợ của ông S, mặc dù không có đứng tên vay tiền cùng ông S nhưng có cùng với ông S thế chấp tài sản cho ngân hàng. Qua Tòa án làm việc bà D cũng đồng ý cùng ông S liên đới trả nợ. Do đó, HĐXX chấp nhận buộc bà D cùng ông S liên đới trả nợ cho ngân hàng.

Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản:

"*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*".

Do đó, ông S, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho ngân hàng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Từ khi ngân hàng khởi kiện, phía ông S, bà D vẫn tiếp tục trả vốn cho ngân hàng số tiền tổng cộng 51.000.000đ. Tính đến ngày 01/11/2019 số tiền vốn vay còn lại vốn gốc 11.630.000đ; tiền lãi 19.212.517đ. Tổng cộng 30.842.517đ. Do đó, buộc ông S, bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng là phù hợp.

Đối với việc ông S, bà D vay tiền để cho con ông S làm vốn và ông S cũng không có yêu cầu gì đối với những người con ông S trong vụ án nên HĐXX không xem xét.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Qua đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST có giá ngạch và chi phí  xem xét thẩm định theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, xét ông S, bà D có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi nên HĐXX chấp nhận miễn toàn bộ án phí DSST cho ông S, bà D.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 317, 318, 320, 322, 323, 463, 466, 468  Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị D liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 30.842.517đ (Ba mươi triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm mười bảy đồng), gồm tiền vốn gốc 11.630.000đ; tiền lãi 19.212.517đ (lãi tính đến ngày 01/11/2019).

Số tiền vốn vay sẽ được tiếp tục tính lãi từ ngày 02/11/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/7503912/HĐTD ngày 04/3/2016 đã được ký kết cho đến khi ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị D trả xong nợ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị D chưa thi hành xong số tiền nợ gốc và lãi thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc kê biên, phát mãi tài sản của ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị D theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/7503912/HĐTC ngày 04/3/2016 để trả nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí DSST cho ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị D do thuộc trường hợp được miễn tiền án phí là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.100.000đ theo biên lai số 0009624 ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Về chi phí xem xét, thẩm định số tiền 100.000đ do ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị D chịu. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong nên thu của ông S, bà D trả lại cho nguyên đơn.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày hôm nay tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục Thi hành án TP Sa Đéc;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Minh Trí**